

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 25 - 6 - 2024

Về việc: Chia tài sản chung sau khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Lê Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Anh Thi - Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2022/TLPT-DS ngày 12/12/2022 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 94/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 71/2024/TB-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ liên lạc: Số MH đường PCT, Phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Cao T1 - Văn phòng luật sư BT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1987; địa chỉ: Thửa 344 Mai Anh Đào, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lưu Ngọc P, sinh năm 1984; địa chỉ: Số Ma TL Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Phương Đại N - Công ty Luật TNHH Đại N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Địa chỉ: Số MCT TQK, Phường LTT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số BB NVC, Phường M, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh Lâm Đồng.

3.2. Bà Mai Thị Thanh T2. Địa chỉ: Số H thôn GT, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T; bị đơn bà Trần Thị M.

(Bà M, bà Phượng, ông T, Luật sư T1, Luật sư N có mặt; Bà T2, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Cao T1 trình bày:

Theo quyết định số: 179/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt thì ông và bà Trần Thị M đã được ly hôn nhưng về phần tài sản chung thì chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó cũng không tự thỏa thuận được. Nay ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung giữa ông và bà Trần Thị M gồm:

1. Nhà và đất đã xây dựng trên thửa đất 865, tờ bản đồ số 8 (46a), Phường 8, thành phố Đà Lạt với tổng diện tích là 609,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 397369 do Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thành phố Đà Lạt cấp ngày 06/5/2014.

2. Nhà và đất đã xây dựng trên thửa 344, tờ bản đồ số 8, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tổng diện tích là 200,42m² theo GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 205735 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/9/2014.

Ngoài ra, còn có 02 tài sản chung là bất động sản đứng tên riêng bà Trần Thị M:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7A2 Nam Thành, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, theo MS: 10109390090, số QĐ: 20352000.QĐUB, hồ sơ gốc số 7445.2000 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/5/2000.

2. Nhà đất tại Hồ Than Thở: GCNQSDĐ số G875846 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 25/8/1997, thửa đất 61, tờ bản đồ số 72A, Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 14/12/2020 ông Lê Văn T có đơn khởi kiện bổ sung 01 chiếc xe KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A 01870 do ông đang sở hữu và 01 chiếc xe chiếc xe THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-12535 do cá nhân ông đứng tên nhưng bà M đang quản lý. Yêu cầu bà M thanh toán lại cho ông 250.000.000đ và số tiền: 3.000.880.000đ, bà M chuyển khoản cho ông Võ Duy Lan trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 08/4/2021, ông Lê Văn T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung số tiền: 3.000.880.000đ.

- Về nợ chung: Tại thời điểm ly hôn, giữa ông T và bà M có nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng số tiền nợ là 7.380.000.000đ. Từ trước đến nay, bà M là người tự trả số tiền nợ này với Ngân hàng, hiện bà M trả còn 52.807.425đ. Khi vay Ngân hàng số tiền 7.380.000.000đ thì bà M là người đi nhận tiền và quản lý, sử dụng số tiền này nên bà M phải một mình có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Về giá trị tài sản thì ông T vẫn giữ nguyên giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá ngày 10/7/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Exim đã tiến hành thẩm định. Ông không yêu cầu tiến hành thẩm định giá lại tài sản.

Nay ông có yêu cầu chia như sau:

Về nhà và đất thì ông yêu cầu chia tài sản theo tỷ lệ 1/2 và yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia 02 chiếc xe ô tô hiệu THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-125.35 do bà M đang quản lý và chiếc xe ô tô hiệu KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A-018.70, ông T đang quản lý. Ông T, bà M cùng xác định chiếc ô tô ông T đang sử dụng có giá trị 400.000.000đ, chiếc xe ô tô bà M đang sử dụng có giá trị 200.000.000đ ông T có yêu cầu, ai đang sử dụng chiếc xe nào thì sẽ tiếp tục sử dụng chiếc xe đó và ông T hoàn tiền chênh lệch giá trị cho bà M là 100.000.000đ.

Cả hai xác định có nợ bà Mai Thị Thanh T2 số tiền 390.000.000đ, nợ bà Nguyễn Thị Sâm số tiền 110.000.000đ, nợ bà Nguyễn Thị Soa số tiền 550.000.000đ.

Ngoài ra, ông T không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị M, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Phương Đại N trình bày:

Bà M và ông Lê Văn T trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo quyết định số: 179/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Theo nội dung Quyết định cả hai thuận tình ly hôn, bà M nuôi hai con, về tài sản chung và nợ chung cả hai tự thỏa thuận. Trước khi có Quyết định ly hôn, bà M và ông Lê Văn T có lập văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2018 có sự chứng kiến của bà Mai Thị Thanh T2 (là mẹ ruột của ông T) và bà Nguyễn Thị Sâm (là

mẹ ruột của bà M) để thỏa thuận về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng của hai bên.

Từ ngày 23/4/2018 đến nay bà M vẫn thực hiện theo đúng thỏa thuận đã ký. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn thì bà M không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị ông T tiếp tục thực hiện theo Văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2018, cụ thể:

Nhà và đất tại thửa 344, tờ bản đồ số 8, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tổng diện tích là 200,42m² theo GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 205735 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/9/2014). Tại Văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2018, bà M và ông T thống nhất cho hai con, tuy nhiên hai con hiện nay còn nhỏ nên bà M là người giám hộ và đang quản lý, sử dụng tài sản này, khi nào hai con đủ tuổi thành niên sẽ làm thủ tục tặng cho hai con. Đây cũng là căn nhà duy nhất mà ba mẹ con bà M đang sinh sống.

- Nhà và đất tại thửa đất 865, tờ bản đồ số 8 (46a), Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với tổng diện tích là 609,1m² theo GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 397369 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 06/5/2014. Tại Văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2018 bà M và ông T thỏa thuận bà M được quyền sở hữu, sử dụng tài sản này, bà M đã xây dựng Công ty để kinh doanh từ trước tới nay, bà M có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ: Trả nợ cho bà Mai Thị Thanh T2 (mẹ ông T) số tiền 390.000.000đ, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Sâm (mẹ ruột bà M) số tiền 110.000.000đ, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Soa (dì bà M) số tiền 550.000.000đ, trả nợ cho Ngân hàng trên số dư nợ gốc thời điểm tháng 4/2018 là 7.380.000.000đ và thanh toán cho ông T số tiền 825.000.000đ. Tới nay bà M đã trả xong cho mẹ bà M bà Nguyễn Thị Sâm số tiền 110.000.000đ, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Soa (dì bà M) số tiền 550.000.000đ. Riêng khoản tiền 825.000.000đ của ông T bà M nhiều lần liên hệ với ông T để trả nhưng ông T hẹn tới hẹn lui không tới nhận.

Đối với khoản tiền 390.000.000đ nợ bà Mai Thị Thanh T2 thì đồng ý yêu cầu của ông Lê Văn T: ông T và bà M mỗi người phải trả cho bà T2 195.000.000đ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc chia tài sản chung là chiếc xe ô tô hiệu THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-125.35 do bà M đang quản lý bà M không đồng ý. Lý do chiếc xe này ông T chỉ đứng tên dùm khi mua, còn toàn bộ tiền mua xe là của bà M, bà chuyển khoản cho ông T số tiền 400.000.000đ và tại Văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2018, ông T thống nhất sẽ chuyển giao chiếc xe này cho Công ty của bà M.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc chia tài sản chung là chiếc xe ô tô hiệu KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A-018.70, ông T đang quản lý bà M không đồng ý. Lý do, bà và ông T đã thỏa thuận để chiếc xe này sử dụng chung nhưng ông T sử dụng riêng không để cho bà chở con đi học, bà phải mua xe khác trả góp để chở con đi học. Ngày 19/11/2020, bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán lại cho bà ½ giá trị xe ô tô này, với số tiền là 327.500.000đ. Bà

cũng thống nhất với ông Lê Văn T về giá trị chiếc xe ô tô hiệu KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A-018.70 do ông T đang sử dụng giá trị còn 400.000.000đ; chiếc xe ô tô THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-125.35 do bà M đang sử dụng giá trị còn lại 200.000.000đ.

Về giá trị tài sản nhà và đất vẫn giữ nguyên giá trị tài sản theo Chứng thư thẩm định giá ngày 10/7/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá EXim đã T hành thẩm định không yêu cầu tiến hành thẩm định giá lại tài sản.

- Đối với Giấy vay nợ của ông Lê Văn T vay bà Trần Thị M ngày 11/01/2018: 200.000.000đ, (số tiền vay này trong thời kỳ hôn nhân) bà M không có yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thái Sơn là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trình bày:

Ông Lê Văn T và bà Trần Thị M có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 0144/TD1/18LD ngày 14/3/2018, thời hạn vay từ ngày 16/03/2018 đến ngày 21/08/2019.

- Hợp đồng tín dụng số: 0264/TD1/16CD ngày 04/4/2016, thời hạn vay từ ngày 04/4/2016 đến ngày 05/4/2021.

- Hợp đồng tín dụng số: 0154/TD1/17CD ngày 28/02/2017, thời hạn vay từ ngày 22/03/2017 đến ngày 22/08/2022.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ vay trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0154A/TD1/17TC ngày 28/02/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0154B/TD1/17TC ngày 28/02/2017 gồm:

- Bất động sản là nhà và đất tại thửa 865, tờ bản đồ số 8 (46a), hẻm Mai Anh Đào, Phường 8, thành phố Đà Lạt đã được cấp GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 397369 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 06/5/2014 đứng tên ông Nguyễn Minh Nhật, chuyển nhượng cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị M theo hồ sơ số 16030660.

- Bất động sản là nhà và đất đã xây dựng trên thửa 344 (thửa gốc 344, 891), tờ bản đồ số 8, hẻm Mai Anh Đào, Phường 8, thành phố Đà Lạt, đã được cấp GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 205735 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/9/2014 đứng tên ông Vũ Tuấn Hoàng, chuyển nhượng cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị M theo hồ sơ số 15040861.

Hiện nay, dư nợ gốc của các hợp đồng tín dụng còn lại tính đến ngày 31/3/2022 là 300.000.000đ và không phát sinh nợ quá hạn.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có xác nhận bà Trần Thị M đã trả gốc là 8.077.192.575đ và lãi đến ngày 26/10/2022 theo hợp đồng là: 1.316.557.511đ. Còn dư nợ là 52.807.425đ.

Ông T, bà M vẫn đang thực hiện trả nợ theo lịch trả nợ và biên bản làm việc đã ký với Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án này. Ngân hàng vẫn đề nghị ông T và bà M cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng vì cả hai cùng đứng tên vay trong hợp đồng tín dụng và tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ vay. Trường hợp ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác và chỉ đồng ý giao trả GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp khi các đương sự thanh toán xong số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về giá trị tài sản thì Ngân hàng vẫn giữ nguyên giá trị tài sản theo Chứng thư thẩm định giá ngày 10/7/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá EXim đã tiến hành thẩm định.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Mai Thị Thanh T2 trình bày:** Vào ngày 17/9/2007, bà có cho ông Lê Văn T, bà Trần Thị M là người đại diện của Công ty TNHH TM-DV Tỉnh Hoa vay số tiền 400.000.000đ. Thời hạn cho vay là 05 năm từ ngày 17/9/2007 đến ngày 17/9/2012, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Đồng thời, khi ly hôn, ông T, bà M thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận tài sản chung và nợ chung có xác nhận nợ của bà 390.000.000đ. Tuy nhiên, ông T, bà M không thực hiện đúng thỏa thuận, không trả tiền cho bà. Ngày 15/11/2019, bà T2 có đơn khởi kiện yêu cầu ông T bà M trả số tiền 390.000.000đ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc mỗi người trả cho bà số tiền 195.000.000đ và bà không yêu cầu ông T, bà M trả tiền lãi.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn T ông Lê Cao T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia mỗi người 1/2 giá trị tài sản và yêu cầu nhận bằng hiện vật:

- Nhà và đất tại thửa 344, tờ bản đồ số 8, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tổng diện tích là 200,42m² theo GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 205735 do UBND thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 03/9/2014, chia mỗi người ½ giá trị.

- Nhà và đất tại thửa đất 865, tờ bản đồ số 8 (46a), Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với tổng diện tích là 609,1m² theo GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 397369 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 06/5/2014 chia mỗi người ½ giá trị.

- 02 chiếc xe ô tô hiệu THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-12535 do bà M đang sử dụng có giá trị 200.000.000đ và chiếc xe ô tô hiệu KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A 01870, ông T đang sử dụng có giá trị 400.000.000đ.

Bị đơn bà Trần Thị M, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Ngân Hà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T và tại phiên tòa hôm nay, bà M có yêu cầu ông Lê Văn T phải trả cho bà số tiền tiền 750.000.000đ tiền

nợ và tiền lãi là 89.105.683đ khoản nợ này được phát sinh sau khi Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho ông T và bà M nên bà M cho rằng đây là nợ riêng của ông T nhưng hiện nay bà M đã trả hết cho Ngân hàng cả gốc lẫn lãi. Yêu cầu ông T phải trả lại gốc và lãi của số tiền này.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 94/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc “*Chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” cụ thể:

1. Về tài sản chung sau khi thanh toán nợ: Mỗi người được hưởng phần giá trị tài sản được nhận là 4.943.304.891đ (*bốn tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu ba trăm lẻ bốn ngàn tám trăm chín mươi một đồng*).

- Giao cho ông Lê Văn T tài sản là: Nhà và đất đã xây dựng trên thửa 344, tờ bản đồ số 8, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tổng diện tích là 200,42m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 205735 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 03/9/2014) mang tên ông Lê Văn T và bà Trần Thị M.

Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán lại cho bà Trần Thị M số tiền chênh lệch về tài sản là bất động sản được chia là: 1.091.193.259đ (*một tỉ không trăm chín mươi một triệu một trăm chín mươi ba ngàn hai trăm năm mươi chín đồng*).

- Giao cho ông Lê Văn T chiếc xe ô tô hiệu KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A 01870 trị giá 400.000.000đ (*bốn trăm triệu đồng*), ông Lê Văn T có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch giá trị nhận xe cho bà Trần Thị M 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*).

- Giao cho bà Trần Thị M tài sản là: Nhà và đất đã xây dựng trên thửa đất 865, tờ bản đồ số 8 (46a), Phường 8, thành phố Đà Lạt với tổng diện tích là 609,1m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 397369 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 06/5/2014) mang tên ông Lê Văn T và bà Trần Thị M.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với yêu cầu chia chiếc xe KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A 01870.

- Giao cho bà Trần Thị M nhận chiếc xe THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-12535 giá trị 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) và nhận số tiền chênh lệch giá trị xe từ ông Lê Văn T 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Ông Lê Văn T có trách nhiệm chuyển quyền sở hữu chiếc xe THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-12535 sang tên bà Trần Thị M.

2. Về nợ chung: Buộc bà Trần Thị M có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng số tiền còn nợ 52.807.425đ (*năm mươi hai triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng*), và tiền lãi tương ứng theo hợp đồng vay.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Văn T và Bà Trần Thị M với bà Mai Thị Thanh T2: Ông Lê Văn T, bà Trần Thị M mỗi người có trách nhiệm trả nợ bà Mai Thị Thanh T2 số tiền gốc đã vay là: 195.000.000đ (*một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với yêu cầu chia tài sản là nhà và đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7A2 Nam Thành, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; và quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 61, tờ bản đồ số 72A, Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu ông Võ Duy Lan trả 3.000.880.000đ;

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ông Lê Văn T kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm; yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa hoặc huỷ bản án trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông giao cho ông T phần diện tích 609,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 397369 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 06/5/2014. Trường hợp không thể chia theo yêu cầu nêu trên thì yêu cầu Toà án tiến hành thẩm định giá tài sản đang tranh chấp, để giải quyết vụ án theo quy định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Bà Trần Thị M kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T và bà M giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho ông T trình bày: việc kháng cáo của nguyên đơn ông T là có căn cứ đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của ông T.

Luật sư bào chữa cho bà M trình bày: việc kháng cáo của bị đơn bà M là có căn cứ đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng và bà Mai Thị Thanh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Chia tài sản sau khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T, bị đơn bà Trần Thị M thì thấy rằng: Đơn kháng cáo của các đương sự thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T và bị đơn bà Trần Thị M thì thấy rằng:

[3.1] Bà Trần Thị M và ông Lê Văn T trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo quyết định số: 179/2018/QĐST–HNGĐ ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Theo nội dung Quyết định trên cả hai thuận tình ly hôn, bà M nuôi hai con, về tài sản chung và nợ chung cả hai tự thỏa thuận. Sau khi ly hôn, phần tài sản chung do bà M trực tiếp quản lý sử dụng. Theo Văn bản thỏa thuận về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng lập ngày 23/04/2018 thì:

[3.1.1] Nhà và đất tại thửa 344, tờ bản đồ số 8, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tổng diện tích là 200,42m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 205735 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 03/9/2014). Bà M và ông T thống nhất cho hai con, do hai con hiện nay còn nhỏ nên bà M là người giám hộ và đang quản lý, sử dụng tài sản này, khi nào hai con đủ tuổi thành niên sẽ làm thủ tục tặng cho hai con;

[3.1.2] Nhà và đất tại thửa đất 865, tờ bản đồ số 8 (46a), Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với tổng diện tích là 609,1m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 397369 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cấp ngày 06/5/2014. Tại thời điểm thỏa thuận giá trị tài sản có giá trị là 10.000.000.000đ, bà M có nghĩa vụ trả nợ cho bà Mai Thị Thanh T2 (mẹ ông T) số tiền 390.000.000đ, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Sâm số tiền 110.000.000đ, trả nợ cho bà Nguyễn Thị Soa số tiền 550.000.000đ, trả nợ cho Ngân hàng trên số dư nợ gốc thời điểm tháng 4/2018 là 7.380.000.000đ và thanh toán cho ông T số tiền 825.000.000đ;

[3.1.3] Chiếc xe ô tô hiệu KIA Carens EX MT, biển kiểm soát 49A-018.70 sẽ dùng để cả hai bên sử dụng chung và đưa đón con đi học;

[3.1.4] Đối với chiếc xe ô tô hiệu THACO K165-CS, biển kiểm soát 49C-12535, ông T và bà M thống nhất sẽ chuyển giao chiếc xe này cho Công ty của bà M.

[3.2] Sau đó, do hai bên không thực hiện thỏa thuận nên ông T có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà M sau ly hôn. Còn bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà M yêu cầu ông T tiếp tục thực hiện theo Văn bản thỏa thuận chia tài sản ngày 23/4/2018 nên giữa các bên phát sinh tranh chấp.

[4] Qua xem xét về yêu cầu chia tài sản chung thì thấy rằng:

[4.1] Đối với phần tài sản là diện tích đất 609,1m² thuộc thửa đất 865, tờ bản đồ số 8 (46a), Phường 8, thành phố Đà Lạt (tại Bút lục 206 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã có văn bản yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ ai là người đang sống hoặc cho thuê trên phần diện tích đất trên để đưa vào tham gia tố tụng). Tại Đơn xin cung cấp tài liệu, chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của bà M cung cấp (Bút lục 556 - 583) thể hiện trên diện tích đất này Công ty TNHH BEE HAPPY và Công ty TNHH W ORGANIC có làm Văn phòng công ty và đầu tư sửa chữa một số hạng mục (thời điểm sửa chữa là tháng 11/2019) có cung cấp hợp đồng và hoá đơn giá trị gia tăng kèm theo trong hồ sơ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa những Công ty này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng chưa xác minh làm rõ những tài sản nào ông T, bà M làm khi còn sống chung và những tài sản nào sau khi ly hôn thì bà M và các Công ty T hành sửa chữa làm thêm.

[4.2] Đối với khoản nợ ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Lâm Đồng thì có những khoản Ngân hàng giải ngân cho ông T, bà M sau khi ly hôn (Bút lục 538-540) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ từng khoản để làm rõ nghĩa vụ trả nợ của các bên.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm nên cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của ông T và bà M.

[6] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Hủy Bản án hôn nhân sơ thẩm: 94/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và tiền nộp tạm ứng án phí: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. Đà Lạt (02);
- VKSND Tp. Đà Lạt (01);
- Chi cục THADS Tp. Đà Lạt (01);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (12);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh